TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 3 - 2023
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG -TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khanh**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Việt Tùng**
Ông Nguyễn Văn Bình

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Thắng** - Thư ký TAND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Kim Duyên -** Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2022/ TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 04/2022/TB-TA ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Vân H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu 8, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Anh Đỗ Mạnh T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu 8, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Vân H trình bày: Chị và anh Đỗ Mạnh T kết hôn với nhau ngày 13/10/2010 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về ở cùng gia đình anh T tại Khu 8, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống hai vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2015 thì phát sinh

mâu thuẫn do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng sống không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Ngọc Anh T, sinh ngày 11/5/2011. Hiện cháu đang ở cùng chị H. Ly hôn chị H xin được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Đỗ Mạnh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Vân H kết hôn với nhau ngày 13/10/2010 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về ở cùng gia đình anh T tại Khu 8, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm nhau. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn, vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Do công việc bận nên anh không đến Tòa án làm việc được, anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Đỗ Ngọc Anh T, sinh ngày 11/5/2011. Hiện cháu đang ở cùng chị H. Khi ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi con chung là cháu T, anh không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Qúa trình giải quyết vụ án các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, bị đơn anh T được tòa án triệu tập và thông báo hòa giải hợp lệ lần 2 nhưng không đến Tòa án làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án.*

3. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí toà án.

+ Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Vân H và anh Đỗ Mạnh T.

+ Về con chung: Giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Đỗ Ngọc Anh T, sinh ngày 11/5/2011. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H vì chị H tự nguyện không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ trong vụ án này là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Vân H và bị đơn là anh Đỗ Mạnh T đều có nơi cư trú tại Khu 8, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở lại phiên tòa hợp lệ cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đỗ Mạnh T.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Vân H và anh Đỗ Mạnh T là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 13/10/2010 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện có đăng ký tại xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở cùng gia đình anh T tại Khu 8, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống hai vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng sống không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm nhau. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị H và anh T thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc chị H và anh T thuận tình ly hôn là phù hợp với điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T thống nhất vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Ngọc Anh T, sinh ngày 11/5/2011. Hiện đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H và anh T thống nhất để chị H nuôi cháu T, anh T không phải cấp dưỡng vì chị H tự nguyện không yêu cầu. Xét thấy việc tự nguyện thỏa thuận của chị H và anh T về việc nuôi con chung và cấp dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp nên cần chấp nhận. Do vậy cần giao con chung là Đỗ Ngọc Anh T, sinh ngày 11/5/2011cho chị Nguyễn Vân H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đỗ Mạnh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị H tự nguyện không yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không đề nghị Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Xét thấy việc chị H tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp, nên cần chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí toà án.

1. Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Vân H và anh Đỗ Mạnh T.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Ngọc Anh T, sinh ngày 11/5/2011 cho chị Nguyễn Vân H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị H tự nguyện không yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Vân H phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0004204 ngày 11/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị H 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án, để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Đoan Hùng;*
- *Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;*
- *UBND xã …….;*
- *Lưu HS + VP*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khanh